



Số: 218/2017/IBSCHN-KSNB

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

(Phụ lục số 04 Thông tư 155/2015/TT-BTC)



Hà Nội, tháng 04/2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
Giấy phép thành lập và hoạt động:	số 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007
Vốn điều lệ:	667.622.970.000 VND
Địa chỉ:	Tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
Số điện thoại:	(04) 4456 8888
Fax:	(04) 3978 5379
Website:	www.ibsc.vn
Mã cổ phiếu	VIX

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (gọi tắt là IBSC hay Công ty) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chính thức cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã VIX từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 theo Quyết định số 1036/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm 2011, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành (theo Giấy phép số 30/GPĐC-UBCK ngày 6/5/2011) và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội (theo Giấy phép số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/7/2011).

Năm 2014, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán IB (theo Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 21/05/2014) và chuyển trụ sở về tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ngày 20/10/2015, UBCKNN đã ban hành Quyết định số 892/QĐ-UBCK chấp thuận cho IBSC thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh tại địa chỉ tầng 17 số 180-192 đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

IBSC hiện là thành viên giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) và thành viên giao dịch trái phiếu chính phủ của HNX.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh

IBSC được UBCKNN cấp phép để thực hiện các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán,
- Tự doanh chứng khoán,
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

IBSC được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán.

b. Địa điểm kinh doanh

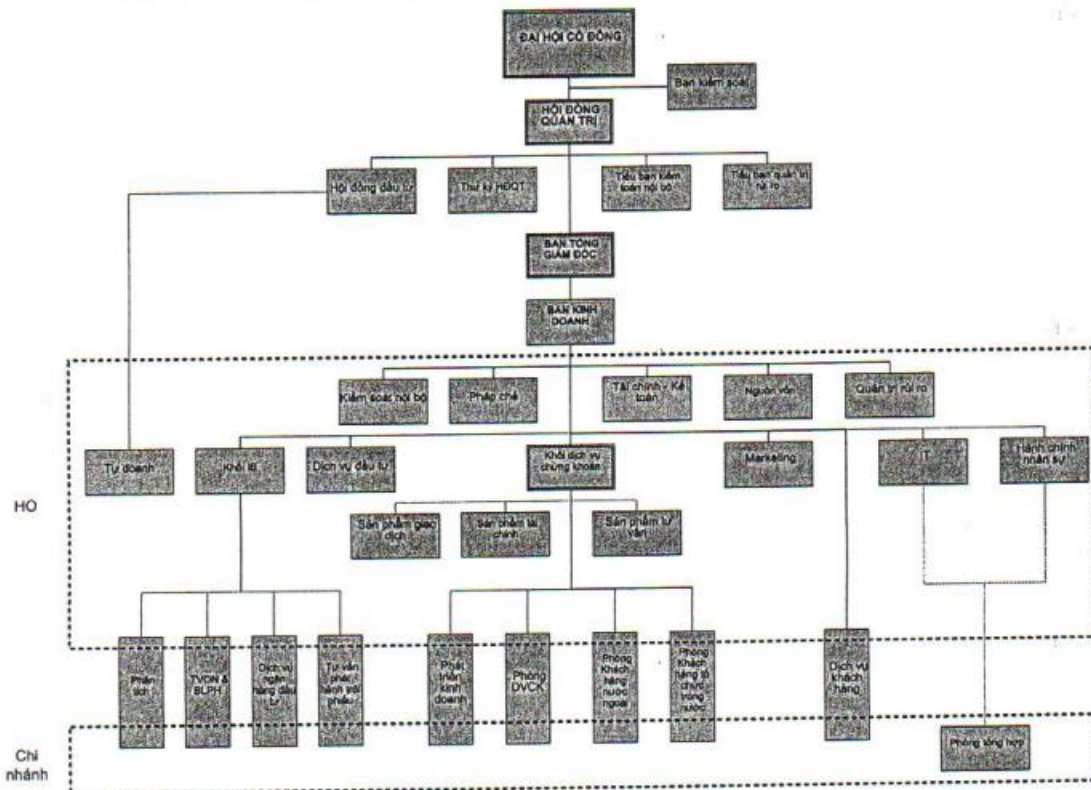
Trụ sở chính: tầng 8, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh Hồ Chí Minh: tầng 17, số 180-192 Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức của công ty

Cho đến ngày 31/12/2016, Công ty áp dụng mô hình tổ chức như sau:



Chức năng và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty được quy định rõ tại Điều lệ của Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của các Khối, phòng ban được quy định tại Quy định ban hành theo nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐQT của HĐQT ngày 21/07/2016.

b. Các công ty con, công ty liên kết

IBSC có 01 công ty con và không có công ty liên kết. Thông tin về công ty con của IBSC như sau:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB

Giấy phép thành lập và hoạt động: số 29/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 03/03/2008.

Trụ sở chính: tầng 9, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ: 57.250.000.000 VND.

Tỉ lệ sở hữu của IBSC: 77,73%.

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu của Công ty là trở thành một định chế tài chính chuyên nghiệp trong lĩnh vực chứng khoán, hoạt động an toàn và hiệu quả. Trọng tâm là đem lại giá trị ngày càng cao cho khách hàng, cùng nhau chia sẻ lợi ích với Khách hàng, tạo sự gắn kết lâu dài giữa Khách hàng và IBSC.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược trung và dài hạn của IBSC là sự kết hợp của việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- **Nhân sự:** Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tài chính, tạo ra môi trường làm việc để mỗi cá nhân có thể phát huy được tốt nhất những lợi thế của mình để đóng góp được tốt nhất cho IBSC.
- **Công nghệ:** Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và quản trị công ty.
- **Sản phẩm:** Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, đáp ứng được những nhu cầu đa dạng của khách hàng và của thị trường.
- **Tài chính:** Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng.
- **Quản trị rủi ro:** Tăng cường năng lực quản trị rủi ro, trong khi vẫn đảm bảo nâng cao hiệu quả về mặt kinh doanh.
- **Quản trị chi phí:** Kiểm soát chi phí chặt chẽ.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty xác định phát triển bền vững trên cơ sở xác lập các giá trị doanh nghiệp ổn định bao gồm vốn tài sản, vốn con người và văn hoá công ty. Trước hết, trong ngắn hạn cần xây dựng hệ thống quản trị minh bạch cao nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định của công ty đại chúng. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư tin tưởng vào hoạt động của công ty, giúp cho cổ phiếu của công ty được tăng trưởng bền vững, ổn định. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hoá công ty.

5. Các rủi ro

Các loại rủi ro sau có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của IBSC bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý. Trong năm 2016, IBSC đã thực hiện quản trị tốt các loại rủi ro đã nêu trên nên không phát sinh các sự kiện ngoài ý muốn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh và hoạt động của IBSC.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Tại IBSC rủi ro thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tự doanh của IBSC. Giá chứng khoán thay đổi ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của hoạt động tự doanh. IBSC thực hiện các biện pháp sau để quản trị rủi ro thị trường:

- Đa dạng hóa danh mục đầu tư;
- Áp dụng các hạn mức rủi ro cho từng khoản đầu tư, danh mục đầu tư;
- Phân cấp, phân hạn mức quyết định tới từng cấp quản lý trong công ty;
- Theo dõi, giám sát hàng ngày mức độ rủi ro của từng nghiệp vụ để đưa ra các quyết định kịp thời khi rủi ro xảy ra.

b. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ảnh hưởng chính đến hoạt động giao dịch ký quỹ của IBSC. Để giảm thiểu loại rủi ro này, IBSC đã áp dụng các biện pháp sau:

- Quy định về hạn mức rủi ro cho từng khách hàng, nhóm khách hàng;
- Quy định tỉ lệ ký quỹ, cho vay đối với từng mã chứng khoán;
- Định kỳ đánh giá lại rủi ro của danh mục cho vay, rủi ro cho vay đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng;
- Theo dõi, giám sát tỉ lệ ký quỹ, tỉ lệ cho vay hàng ngày và có chế độ cảnh báo khi tài khoản có dấu hiệu mất khả năng thanh toán.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi IBSC không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản tác động trực tiếp đến hoạt động nguồn vốn của IBSC. Để giảm thiểu loại rủi ro này, IBSC luôn chú trọng duy trì lượng tiền mặt trên các tài khoản ngân hàng, các tài sản có thể ngay lập tức chuyển đổi thành tiền hợp lý và duy trì hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức hiệu quả, hợp lý để cân bằng mục đích thanh khoản – khả năng sinh lời cho Công ty.

d. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

IBSC trong năm 2016 tiếp tục đầu tư vào hệ thống công nghệ mới bao gồm cả hệ thống dự phòng như ảo hóa, điện dự phòng, sao lưu dữ liệu Hệ thống đã hoạt động rất ổn định trong năm và không phát sinh các rủi ro trọng yếu trong lĩnh vực này.

Để hạn chế lỗi do con người gây ra trong quá trình tác nghiệp, IBSC đã chú trọng từ khâu tuyển dụng đến khâu đào tạo nghiệp vụ để giảm các sai sót trong quá trình làm việc của các nhân viên. Ngoài việc tự động hóa một phần các công việc thủ công, IBSC còn áp dụng cơ chế nhập - duyệt - kiểm soát lại để hạn chế tối đa các lỗi này bao gồm cả kiểm tra trước, kiểm tra chéo và kiểm tra sau để hạn chế rủi ro phát sinh.

Đối với rủi ro từ vốn, do quản trị tốt các rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản nên các rủi ro này cũng được quản trị một cách hiệu quả.

e. Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động

kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Công ty có bộ phận pháp chế phụ trách mọi vấn đề liên quan đến luật. Bộ phận pháp chế có trách nhiệm cập nhật tất cả các văn bản mới ban hành/ văn bản sửa đổi/ bổ sung liên quan, soạn thảo các hợp đồng và tham gia đóng góp ý kiến vào các quy trình/quy chế của công ty, đề xuất về các sửa đổi văn bản nội bộ theo những thay đổi khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực chứng khoán. Bộ phận giám sát tuân thủ luôn được tiến hành triển khai theo dõi toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ nhằm phát hiện kịp thời các lỗi phát sinh. Thực hiện báo cáo và xử lý nhanh các lỗi đó.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của IBSC được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	2016 VND	2015 VND	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	188.661.184.144	166.167.910.284	14%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	93.915.082.693	57.999.182.822	62%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	94.746.101.451	108.168.727.462	-12%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.359.750.461	22.988.335.379	32%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64.386.350.990	85.180.392.083	-24%
6	Lợi nhuận/(Lỗ) khác	620.608.308	3.528.383.104	-82%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.006.959.298	88.708.775.187	-27%
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.267.411.276	15.208.820.577	-26%
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất	53.739.548.022	73.499.954.61	-27%
	Phân bổ lợi nhuận sau thuế:			
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	53.648.788.335	71.244.365.633	-25%
11	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	90.759.687	2.255.588.977	-96%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán)

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 2: Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2016 so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỉ lệ thực hiện
1	Vốn điều lệ	1.151.004.000.000	701.001.650.000	60.90%

STT	Chi tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỉ lệ thực hiện
2	Doanh thu	255.407.000.000	188.661.184.144	74.16%
3	Lợi nhuận trước thuế	134.426.000.000	65.006.959.298	48.36%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.885.000.000	11.267.411.276	41.91%
5	Lợi nhuận sau thuế	107.541.000.000	53.739.548.022	49.97%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.303	765	58.71%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016)

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành

Ban điều hành công ty, tại thời điểm 31/12/2016 gồm ba thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Hạnh – Tổng Giám đốc;
- Ông Nguyễn Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về các thành viên Ban điều hành như sau:

Ông Nguyễn Văn Hạnh - Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần Tỉ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1998 - 2002	Đại học Mở Hà Nội	Điện tử thông tin	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2007 - 2009	Công ty cổ phần Tài chính Hoa Bắc	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị
2009 - 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Nhân viên Môi giới chứng khoán
2011-04/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Phó phòng Môi giới
T04/2012- T6/2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám Đốc
T8/2013- T9/2015	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sao Vàng	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
08/10/2015 - 24/04/2016	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Tổng Giám đốc
25/04/2016 – 09/05/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Tổng Giám đốc

10/05/2016 – 08/06/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Tổng Giám đốc Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
09/06/2016 - 22/06/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
23/06/2016 – 06/01/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
Từ 07/01/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB

Ông **Nguyễn Tuấn Anh** – Phó tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
Năm 2014	Auckland University of Technology	Kế toán quản trị	Thạc sỹ
Năm 2007	Học viện UBI Bỉ kết hợp Đại học Quốc gia	Quản trị kinh doanh	Thạc sỹ
Năm 2005	AIU Mỹ	Công nghệ thông tin	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2008 - 2010	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng TỰ doanh
2010 - 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng phòng khách hàng VIP

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2011 - 2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Giám đốc Khối Môi giới
2014 -05/07/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Thành viên Ban điều hành, Giám đốc điều hành Khối Dịch vụ Chứng khoán
Từ ngày 12/07/2016 đến 18/08/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Phó Tổng Giám đốc
Từ 18/08/2016 đến 06/01/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD chi nhánh HCM

Bà Nguyễn Thị Tuyết – Phó tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2000-2003	Trường CĐ kinh tế	Kế toán doanh nghiệp	
2006-2011	Kinh tế quốc dân	Kế toán doanh nghiệp	
2005-2005	Kinh tế quốc dân	Chứng chỉ Kế toán trưởng	
2015-2016	Trường doanh nhân PTI	Chứng chỉ giám đốc nhân sự	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
T9/2003-2009	Trung tâm HN-GDTX Móng Cái	Kế toán
2010- T7/2013	Trung tâm HN-GDTX Móng Cái	Kế toán – Trưởng phòng Hành chính
T9/2013-6/2014	Công ty cổ phần Việt Thái Sơn Capital	Trưởng phòng kế hoạch
T7/2014-24/05/2016	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự
25/05/2016-16/10/2016	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự
17/10/2016 đến nay	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hồng Hà - Quyền Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 46.200 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,066%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1997-2001	Trường Đại học Quản lý & Kinh doanh Hà Nội	Tài chính Kế toán	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2002 – 2003	Công ty TNHH Quảng Độ	Kế Toán Tổng Hợp
2003 – 2007	Công ty Yamaha Motor Việt Nam	Chuyên Viên Kế Toán
2007 – 2011	Công ty CP Chứng khoán Mê Kông	Phó Phòng Dịch Vụ Khách Hàng
2011 – 03/2012	Công ty CP Chứng khoán Xuân Thành (nay là Công ty CP Chứng khoán IB)	Trưởng Phòng Dịch Vụ Khách Hàng
04/2012 – 09/2014	Công ty CP Chứng khoán Xuân Thành (nay là Công ty CP Chứng khoán IB)	Trưởng Phòng Kiểm Soát Nội Bộ
10/2014 – 9/2015	Công ty CP Chứng khoán IB	Phụ trách Phòng Kế Toán
9/2015 đến nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Quyền Kế toán trưởng

b. Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2016, Ban điều hành của IBSC đã có những thay đổi sau:

- Tháng 01/2016, Hội đồng quản trị của IBSC bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Thái Hoàng Long.
- Tháng 03/2016, Hội đồng quản trị của IBSC bổ nhiệm chức danh Phó TGD kiêm GD chi nhánh đối với Ông Thái Hoàng Long.
- Tháng 06/2016, Hội đồng quản trị của IBSC miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với bà Cao Thị Hồng.
- Tháng 06/2016, Hội đồng quản trị của IBSC đã bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hạnh vào vị trí Tổng Giám đốc.
- Tháng 07/2016, Hội đồng quản trị của IBSC đã bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Anh vào vị trí Phó Tổng Giám đốc.
- Tháng 08/2016, Hội đồng quản trị của IBSC đã bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Anh vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm GD chi nhánh.
- Tháng 08/2016, Hội đồng quản trị của IBSC miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Đặng Văn Tân và Thái Hoàng Long.
- Tháng 10/2016, Hội đồng quản trị của IBSC đã bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Tuyết vào vị trí Phó Tổng Giám đốc.

c. Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động trung bình trong năm 2016: 80 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động: 14.000.000 VND.

Tổng số lượng nhân sự đang làm việc toàn thời gian tại IBSC tính đến 31/12/2016 là 78 nhân sự, tăng 11 nhân sự so với đầu năm. Đội ngũ nhân sự của IBSC là những người có chuyên môn cao với 95% nhân sự có bằng đại học, cao học và tiến sĩ.

Trong năm 2016, đội ngũ cán bộ nhân viên cốt cán trong Công ty vẫn được giữ nguyên. Công ty đã tập trung, chú trọng vào việc xây dựng một chiến lược phát triển nhân sự dài hạn để đáp ứng nhu cầu từng bước mở rộng qui mô hoạt động của Công ty song song với việc kiện toàn bộ máy tổ chức.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của nguồn nhân lực, Ban Lãnh đạo IBSC luôn quan tâm và nâng cao chất lượng cuộc sống, môi trường làm việc của các Cán bộ nhân viên thông qua việc hoàn thiện các chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi bên cạnh việc duy trì duy trì sự công bằng, minh bạch trong công việc, đãi ngộ cho tất cả CBNV đang làm việc tại IBSC

Các định hướng này đã được thể hiện rõ qua việc ban hành, sửa đổi các văn bản nội bộ, nội quy lao động. CBNV làm việc tại IBSC, ngoài các chính sách phúc lợi theo yêu cầu của nhà nước, còn được hưởng thêm các chế độ đãi ngộ khác như: thưởng các ngày lễ lớn, thưởng theo dự án và mức độ hoàn thành công việc; thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch, chế độ trong các dịp cưới hỏi, sinh con

Ngoài việc xây dựng, đảm bảo chế độ đãi ngộ hợp lý, IBSC cũng hướng tới việc xây dựng nhóm cán bộ nguồn, có kinh nghiệm thực tế, có hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi của Công ty để có thể sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo và quản lý cấp cao của Công ty. Công ty cũng tổ chức các chương trình thu hút nhân tài nhằm tìm kiếm các tài năng trẻ; xây dựng chính sách đãi ngộ, chính sách đào tạo, chính sách thăng tiến nhằm tạo động lực làm việc và giữ chân các nhân sự cốt cán.

Việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp cũng được chú trọng. Các hoạt động tuyên truyền, lưu giữ và phát triển các giá trị văn hoá của IBSC được duy trì. Văn hóa chính là sức mạnh của doanh nghiệp, là chất keo gắn kết người IBSC, thúc đẩy mỗi người IBSC nỗ lực, sáng tạo đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2016, IBSC không thực hiện các khoản đầu tư lớn nào.

b. Hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2016, IBSC có 01 công ty con là Công ty cổ phần Quản lý quỹ IB (IBFM) (IBSC sở hữu 77,73%, tương ứng với giá trị đầu tư 37,5 tỷ đồng).

Trong năm 2016, nguồn thu chủ yếu của IBFM là từ phí quản lý tài sản với giá trị đạt 4,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của quỹ IBFM đạt 407 triệu đồng. Hoạt động của quỹ IBFM trong năm có những điểm nổi bật sau:

- Giá trị chứng khoán đầu tư ngắn hạn tăng từ 13,3 tỷ đồng lên 32,9 tỷ đồng. Nguyên nhân là do IBFM đã đầu tư vào cổ phần của Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam (Mã chứng khoán: GEX – UPCOM). Đây là khoản đầu tư có nhiều tiềm năng do CTCP thiết bị điện Việt Nam là một công ty có nhiều tiềm năng tăng trưởng, với sức cạnh tranh cao và thị phần lớn trong ngành thiết bị điện.
- Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác tăng từ 100 tỷ đồng lên 521 tỷ đồng. Danh mục ủy thác đầu tư cổ phiếu tăng từ 50 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng và danh mục ủy thác đầu tư trái phiếu

tăng từ 50 tỷ đồng lên 422 tỷ đồng.

Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh IBFM năm 2016 (đơn vị tính: VND)

	2015	2016
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21.619.999	4.122.320.705
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	87.375.000	733.418.057
3. Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh	(65.755.001)	3.388.902.648
4. Doanh thu hoạt động tài chính	11.970.728.240	2.651.693.956
5. Chi phí tài chính	949.446.947	1.686.558.463
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	826.456.409	3.945.222.849
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.129.069.883	408.815.292
8. Thu nhập khác	708	-
9. Chi phí khác	696.200	1.272.918
10. Lỗ khác	(695.492)	(1.272.918)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.128.374.391	407.542.374
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.128.374.391	407.542.374
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.122	71

Nguồn: Báo cáo tài chính IBFM năm 2016 đã kiểm toán.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 4: Tình hình tài chính IBSC năm 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	799.486.158.916	1.076.137.069.196	34.6%
Doanh thu	154.419.281.236	138.402.540.526	-10.4%
Thuế và các khoản phải nộp	15.208.820.577	11.267.411.276	-25.9%
Lợi nhuận trước thuế	79.335.029.227	66.060.760.869	-16.7%
Lợi nhuận sau thuế	64.126.208.650	54.793.349.593	-14.6%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 5: Tình hình tài chính IBSC năm 2016

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,61	3,48
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,60	3,48
	(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		Không áp dụng	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,69	27,39
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,48	37,72
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	Vòng quay hàng tồn kho		Không áp dụng	
	Giá vốn bán hàng/hàng tồn kho bình quân		Không áp dụng	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	16,73	16,93
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	41,53	30,08
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,44	7,01
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,95	5,09
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	62,95	35,92

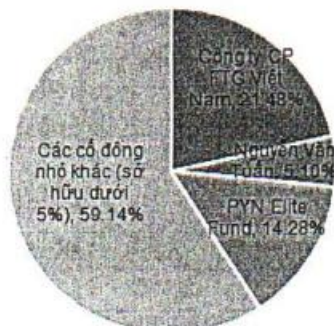
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

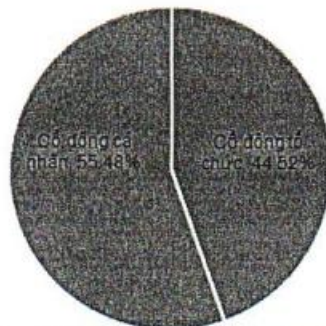
Tổng số cổ phần của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015 là: 70.100.165 cổ phần tương ứng vốn điều lệ của công ty là: 701.001.650.000 đồng (bằng chữ: bảy trăm linh một tỷ, một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Cổ phần của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

b. Cơ cấu cổ đông

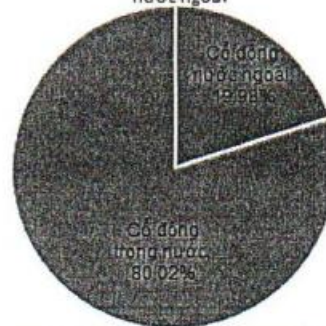
Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí lớn - nhỏ



Cơ cấu cổ đông theo tổ chức - cá nhân



Cơ cấu cổ đông theo trong nước - nước ngoài



Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2017 của VSD.

Bảng 6: Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Công ty CP FTG Việt Nam	15.060.980	21,48%
2	PYN Elite Fund	10.008.400	14,28%
3	Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.580.500	5,10%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, IBSC đã thực hiện thành công 01 lần tăng vốn như sau:

Hình thức tăng vốn: trả cổ tức 5% bằng cổ phiếu.

Ngày 01/07/2016 IBSC hoàn thành việc trả cổ tức 5% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, số cổ phiếu trả cổ tức là: 3.337.868 CP, tương ứng với số tiền tăng vốn là: 3.337.868 CP x 10.000 đồng/CP = 33.378.680.000 đồng. Do đó vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi trả cổ tức là: 701.001.650.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

IBSC không sở hữu cổ phiếu quỹ và không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016.

e. Các chứng khoán khác

Ngoài đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn như đã ghi tại mục c nêu trên, trong năm 2016 IBSC đã phát hành trái phiếu như sau:

- Đợt 1 (phát hành ngày 27/06/2016):

Số lượng trái phiếu phát hành: 250 trái phiếu,

Mệnh giá: 1 tỷ đồng/trái phiếu

Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành: 250 tỷ đồng

Đặc điểm trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không tài sản bảo đảm, phát hành theo hình thức riêng lẻ.

Kỳ hạn: 1 năm, trả lãi 6 tháng/lần.

Tình hình trái phiếu đến thời điểm 31/12/2016: đã tất toán trong kỳ 40 tỷ đồng, còn lại lưu hành tại thời điểm 31/12/2016 là 210 tỷ đồng.

- Đợt 2 (phát hành ngày 09/09/2016):

Số lượng trái phiếu phát hành: 10.501 trái phiếu,

Mệnh giá: 1 triệu đồng/trái phiếu

Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành: 11,501 tỷ đồng

Đặc điểm trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không tài sản bảo đảm, phát hành theo hình thức riêng lẻ.

Kỳ hạn: 1 năm, trả lãi 6 tháng/lần.

Tình hình trái phiếu đến thời điểm 31/12/2016: đã tất toán trong kỳ 350 triệu đồng, còn lại lưu hành tại thời điểm 31/12/2016 là 11,151 tỷ đồng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Chính sách liên quan đến người lao động

Xem II.2.c.

b. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

IBSC đang từng bước xây dựng và tham gia vào các hoạt động cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với các hoạt động của địa phương và cộng đồng như:

- Tích cực tham gia vào các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân tại địa phương và các vùng cao do Công đoàn địa phương tổ chức.
- Tổ chức chương trình thiện nguyện do các CBNV trực tiếp tham gia và đóng góp đến tận bản, xã để trao những phần quà trong đợt lũ lụt ở Quảng Bình.
- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng, tố chất.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như: UBCKNN, HNX, Thuế, BHXH,....

Ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật chuyên ngành, IBSC luôn nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan như: pháp luật về thuế, lao động, bảo hiểm,...

Mức đóng góp thuế của IBSC vào Ngân sách nhà nước năm 2016:

Chỉ tiêu	Số tiền đã nộp năm 2016 (đồng)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.905.600.008
Thuế Thu nhập cá nhân	6.584.141.496

IBSC luôn tạo dựng môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên với chế độ phúc lợi cao nhất, cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhằm thu hút người tài và tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ nhân viên phát triển.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2016

Bảng 7: Mức độ hoàn thành kế hoạch của năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỉ lệ thực hiện
1	Vốn điều lệ	1.151.004.000.000	701.001.650.000	60.90%
2	Doanh thu	255.407.000.000	188.661.184.144	74.16%
3	Lợi nhuận trước thuế	134.426.000.000	65.006.959.298	48.36%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.885.000.000	11.267.411.276	41.91%
5	Lợi nhuận sau thuế	107.541.000.000	53.739.548.022	49.97%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.303	765	58.71%

b. Những tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2016

Mặc dù gặp một số khó khăn từ những diễn biến bất lợi của thị trường chứng khoán trong năm 2016, và áp lực cạnh tranh từ những công ty chứng khoán khác, IBSC vẫn nỗ lực kiện toàn hệ thống và đạt được một số thành tựu nhất định trong các lĩnh vực môi giới, dịch vụ tài chính, quản trị rủi ro và công nghệ thông tin.

Về hoạt động môi giới, doanh thu phí giao dịch của IBSC trong năm 2016 đạt 21 tỷ đồng, tăng 207% so với năm trước. Trong năm 2016, IBSC đã mở mới được 1286 tài khoản, nâng tổng số tài khoản tại IBSC lên 19.867 tài khoản. Tổng giá trị giao dịch của IBSC trong năm đạt 12.048 tỷ đồng, chiếm 0,78% thị phần giao dịch cổ phiếu toàn thị trường.

Về hoạt động dịch vụ tài chính, doanh thu dịch vụ tài chính của IBSC năm 2016 đạt 28 tỷ đồng, tăng 183% so với năm trước. Tính đến cuối năm 2016, quy mô hoạt động cho vay của IBSC đã mở rộng lên mức 317 tỷ đồng, tăng 116% so với cuối năm 2015.

Về hoạt động quản trị rủi ro: trong năm 2016, hoạt động quản trị rủi ro trong việc cung cấp dịch vụ tài chính được thực hiện tốt. Hoạt động cho vay margin đã diễn ra an toàn và hiệu quả. Mặc dù thị trường có những cổ phiếu có mức sụt giảm mạnh, nhưng hoạt động dịch vụ tài chính của IBSC đã không xuất hiện bất kỳ một khoản nợ xấu nào.

Về công nghệ thông tin, ngoài việc thực hiện những thay đổi trong hệ thống core để theo kịp những thay đổi về quy định về giao dịch của các Sở giao dịch, IBSC đã chỉnh sửa và hoàn thiện các tính năng của hệ thống core của Tong Yang, giúp cho việc kết nối với các sở giao dịch được nhanh và ổn định, đồng thời đem lại nhiều tiện ích gia tăng cho khách hàng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của IBSC đã tăng 35%, từ mức 799 tỷ tại thời điểm 31/12/2015 lên 1.076 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2016, cho thấy quy mô kinh doanh của IBSC đã tăng lên đáng kể. Tài sản của công ty chủ yếu bao gồm chứng khoán tự doanh và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Hoạt động cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán tăng hơn 170 tỷ, gấp 2.17 lần so với năm 2015, cho thấy hoạt động kinh doanh chính của công ty càng ngày càng hiệu quả. Hoạt động đầu tư tăng 1.23 lần, tương ứng với 84 tỷ, đây là hoạt động mang lại doanh thu chính cho IBSC trong năm 2016.

b. Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2016, tỷ lệ nợ của IBSC ở mức 27.39%, trong đó chủ yếu là các khoản phải trả liên quan đến phát hành trái phiếu để tăng vốn hoạt động cho nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh. Các chỉ tiêu về thanh khoản của IBSC đều ở mức an toàn với hệ số thanh khoản hiện hành đạt 3.48 lần. IBSC cũng không có các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động dịch vụ giao dịch ký quỹ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, IBSC đã thực hiện một số cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý, như sau:

- *Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ*: Trong năm 2016, IBSC đã tập trung ưu tiên việc chuẩn hóa hoạt động của các phòng, khối kinh doanh bằng việc ban hành các quy định, quy trình nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo sự an toàn cho các hoạt động của công ty.
- *Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị*: Ngoài ra, IBSC cũng xây dựng hệ thống các báo cáo

quản trị nội bộ tự động, giúp cho việc truy cập và tạo lập các báo cáo quản trị được thực hiện nhanh chóng, trợ giúp cho Ban điều hành trong việc ra quyết định kinh doanh.

- *Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro:* Trong năm 2016, IBSC đã tập trung ưu tiên việc chuẩn hóa hoạt động của các phòng, khối kinh doanh bằng việc ban hành các quy định, quy trình nghiệp vụ để giảm rủi ro và đảm bảo sự an toàn cho các hoạt động của công ty, đặc biệt là hoạt động cho vay. Nhờ vậy, mặc dù tình hình thị trường có nhiều biến động, nhưng hoạt động cho vay của IBSC vẫn an toàn và không phát sinh các khoản nợ xấu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2017, IBSC sẽ tiếp tục tập trung phát triển 4 trụ cột chính mang lại doanh thu cho Công ty như sau:

Môi giới chứng khoán và dịch vụ chứng khoán:

Nâng cao thị phần môi giới;

Phát triển song song khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức;

Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ quản lý chứng khoán (quản lý cổ đông, quản lý trái phiếu), tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng giao dịch chứng khoán tại IBSC.

Dịch vụ tài chính:

Nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn

Phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro hoạt động ký quỹ.

Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

Xây dựng đội ngũ tư vấn có trình độ cao, cung cấp các giải pháp tư vấn tài chính toàn diện;

Xây dựng thương hiệu mạnh trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư;

Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp, để kết hợp cung ứng các dịch vụ ngân hàng đầu tư đa dạng.

Hoạt động đầu tư:

Ưu tiên đầu tư vào các cổ phiếu có cơ bản và có tiềm năng tăng trưởng cao

Đa dạng hóa danh mục đầu tư (bao gồm cổ phiếu và trái phiếu) nhằm phân tán rủi ro

Nâng cao năng lực của đội ngũ chuyên viên thẩm định và ra quyết định đầu tư

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

(Xem II.6.b)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Diễn biến thị trường năm 2016

Năm 2016, mặc dù chịu nhiều tác động bởi tình hình thế giới như giá dầu thô thấp kỷ lục, sự kiện

Brexit, Bầu cử tổng thống Mỹ v.v... Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt. Mức độ tăng của chỉ số TTCK nằm trong TOP 5 nước hồi phục mạnh nhất thế giới.

Cụ thể Chỉ số VN-Index tăng 15%, mức vốn hóa thị trường đạt 1,76 triệu tỷ đồng, tương đương 42% GDP, tăng 30%. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt 6.800 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với năm 2015.

Tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán ước đạt 348 nghìn tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015. Đáng chú ý, tổng giá trị thu được qua cổ phần hóa, thoái vốn trên TTCK đạt trên 20 nghìn tỷ đồng.

Về hoạt động đầu tư, số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,67 triệu tài khoản, tăng 6% so với cuối năm 2015. Trong 10 tháng đầu năm, dòng vốn nước ngoài vào rông với giá trị cao nhất 5 năm qua. Giá trị danh mục liên tục gia tăng, đạt 17,3 tỷ USD vào cuối tháng 10/2016 (tăng 18% so với cuối năm 2015).

Năm 2016, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng có gặp một số điều kiện thuận lợi. Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,21%, tuy không đạt kỳ vọng 6,7% nhưng thực tế đây là kết quả rất tích cực so với tình hình chung của thế giới và khu vực Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, thị trường trong nước được hỗ trợ bởi những quyết tâm của Chính phủ với thông điệp "Chính phủ kiến tạo, phục vụ người dân", thể hiện qua việc ban hành những chính sách cải cách, đổi mới, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, xử lý những vụ án lớn về tham nhũng gây thất thoát lớn trong các tập đoàn kinh tế nhà nước, các ngân hàng thương mại yếu kém v.v... từng bước làm thay đổi môi trường kinh doanh theo chiều hướng tích cực, tạo đà cho những năm tiếp theo.

Về chính sách tiền tệ, đã thực thi nhiều giải pháp linh hoạt và hỗ trợ cho hoạt động trên thị trường. Lạm phát về cơ bản đã được kiểm soát tốt, chỉ tăng nhẹ. Mặt bằng lãi suất ổn định cũng là yếu tố rất quan trọng với thị trường.

Tốc độ tăng trưởng các phương tiện thanh toán, tăng trưởng tín dụng khá tốt. Vấn đề ngân sách, nợ công bắt đầu định hình và có những giải pháp, định hướng để giải quyết trong thời gian tới. Giải ngân đầu tư công khả năng đạt kế hoạch, là nguồn kích cầu cho nền kinh tế.

Tóm lại, TTCK Việt Nam năm 2016 được đánh giá là tích cực so với một vài năm trở lại đây.

b. Tình hình Công ty sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/04/2016

Đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) thường niên ngày 25/4/2016 đã thông qua một số nội dung quan trọng, làm định hướng cho hoạt động và sự phát triển của công ty. Công ty đã thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 5% cho cổ đông và nâng vốn điều lệ lên 701 tỉ đồng, đồng thời trả cổ tức bằng tiền mặt 5% cho cổ đông với số tiền là 33,38 tỉ đồng. Trong năm qua bộ máy nhân sự cao cấp của Công ty được giữ tương đối ổn định, cơ cấu tổ chức các phòng ban đi vào hoàn thiện và vận hành thông suốt. Hiện Công ty vẫn tiếp tục hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, ban hành, sửa đổi các quy trình, quy chế hoạt động đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

c. Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2016

Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 25/04/2016, HĐQT thường xuyên tổ chức họp để nắm bắt tình hình kinh doanh, cùng thảo luận và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với các biến động trên thị trường, thực trạng của Công ty, tập trung vào việc chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh 2016 mà ĐHCĐ đã đề ra. Một số thành viên HĐQT cũng là thành viên của Ban

điều hành, tham gia chỉ đạo trực tiếp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, nhanh chóng ổn định và hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất của Công ty. Những chỉ đạo của HĐQT được đánh giá là kịp thời và chính xác, góp phần quyết định vào các kết quả đạt được của kế hoạch kinh doanh năm 2016.

d. Kết quả kinh doanh năm 2016

Trong bối cảnh có nhiều thuận lợi của thị trường chứng khoán trong nước năm 2016, nhờ sự tin tưởng của cổ đông và những nỗ lực không ngừng của tập thể Ban Lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan so với các công ty trong ngành. Doanh thu hợp nhất năm 2016 đạt hơn 187 tỷ đồng (đạt 73,3% so với kế hoạch 2016 và tăng 12% so với năm 2015). Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 53,7 tỷ đồng. Tuy mới hoàn thành 50% kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ đã đề ra, nhưng nếu xét trên bình diện toàn thị trường cũng là một kết quả rất đáng khích lệ. Đặc biệt, các mảng dịch vụ mà Công ty đặt trọng tâm đã đạt được sự tăng trưởng vượt bậc, trong đó doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán đạt trên 21 tỷ đồng, tăng trưởng 220% so với năm 2015, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đạt trên 7 tỷ đồng, tăng trưởng 68% so với 2015.

Hoạt động tự doanh không đạt kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận, ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh toàn công ty năm 2016. Nguyên nhân là do thị trường đã có nhiều biến động bất lợi nên Công ty đã chủ động cơ cấu lại doanh mục đầu tư nhất là các cổ phiếu OTC có kết quả kinh doanh kém để giảm thiểu rủi ro đồng thời đảm bảo tuân thủ hạn chế tỷ lệ đầu tư cổ phiếu OTC theo quy định của pháp luật.

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra, Hội đồng quản trị và tập thể Lãnh đạo, CBCNV Công ty luôn nhất quán thực hiện chủ trương xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững. Việc thực hiện quản trị rủi ro trong Công ty công ty ngày càng được chú trọng thể hiện qua số lượng và chất lượng nhân sự. Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết thành lập Tiểu ban quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT để chỉ đạo, giám sát hoạt động này trong toàn công ty, do đó đạt được kết quả tốt về quản trị rủi ro trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty nhất là mảng cho vay giao dịch ký quỹ năm 2016 với dư nợ cho vay bình quân khoảng 250 tỷ đến 300 tỷ đồng nhưng không phát sinh nợ xấu hoặc nợ không có khả năng thu hồi. Trên cơ sở đó, IBSC đã và đang tiếp tục hoàn thiện hơn nữa mô hình quản trị rủi ro cho toàn Công ty để nhận diện, đánh giá, giám sát và xử lý rủi ro phù hợp với các nguyên tắc quản trị rủi ro trong nước và quốc tế.

e. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

(Xem II.6.b)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty (Ban Điều hành)

a. Đánh giá về việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT

HĐQT đánh giá cao hoạt động của Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc (Ban Điều hành) trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và đạt được kết quả tích cực. Ban Điều hành công ty đã nhanh chóng và quyết liệt chỉ đạo toàn thể CBCNV triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2016, thực hiện các nội dung công việc ghi trong các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Điều hành duy trì chế độ họp định kỳ, đột xuất để tổng kết công tác thực hiện theo lịch trình hàng tuần, tháng, quý. Thực hiện tốt công tác trao đổi thông tin, báo cáo định kỳ với HĐQT, Ban Kiểm soát về tình hình thực hiện các nội dung trong nghị quyết, quyết định và kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với các vấn đề còn vướng mắc.

b. Đánh giá về công tác điều hành và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh

Mặc dù kế hoạch kinh doanh năm 2016 chưa đạt được như kỳ vọng vì những lý do khách quan, chủ quan, nhưng theo đánh giá của HĐQT, Ban Điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong công tác điều hành và quản lý Công ty.

Trong năm 2016, Ban Điều hành đã thực hiện tốt các công việc sau:

- Điều hành hoạt động của Công ty cẩn trọng, an toàn, hiệu quả;
- Xây dựng, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành, sửa đổi bổ sung và áp dụng cơ cấu tổ chức mới theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty và thị trường;
- Ban hành, sửa đổi các quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động kinh doanh chính của công ty cho phù hợp với điều kiện hoạt động mới của Công ty;
- Điều hành quyết liệt và linh hoạt trong việc triển khai kế hoạch phát triển môi giới, cho vay giao dịch ký quỹ kết hợp với quản trị rủi ro thận trọng do đó đưa doanh thu của khối Dịch vụ chứng khoán lên gấp 3 lần so với năm 2015;
- Tiếp tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống core giao dịch mới giai đoạn 2, với nhiều tính năng hữu ích cho Nhà đầu tư nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty;
- Duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ (KSNB) vận hành tốt nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng;
- Đưa ra nhiều quyết sách kịp thời, tháo gỡ các khó khăn của các đơn vị trong quá trình hoạt động nhất là đối với hoạt động môi giới chứng khoán và Tư vấn;
- Duy trì và từng bước nâng cao được thương hiệu của Công ty trên thị trường;

c. Đánh giá về tuân thủ pháp luật

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quy chế của HĐQT ban hành.

Hệ thống Kiểm soát nội bộ đã hoạt động tích cực, hiệu quả. Các đơn vị, cá nhân từ Hội sở đến Chi nhánh đều có tinh thần tuân thủ pháp luật cao. Trong năm 2016, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán, công ty niêm yết trên thị trường, chấp hành tốt các quy định về thuế và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2017

Dự đoán kinh tế vĩ mô tiếp tục được ổn định, lạm phát được kiểm chế, lãi suất ngân hàng được kiểm soát và việc thực hiện tái cấu trúc thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2017 ban đầu sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân nước ngoài tham gia. Chính phủ đẩy mạnh việc cổ phần hoá gắn với niêm yết của các tổng công ty, tập đoàn lớn làm tăng mạnh quy mô thị trường chứng khoán là những yếu tố then chốt giúp thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì được đà hồi phục như năm 2016.

Bên cạnh các thuận lợi, năm 2017 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro lớn hơn so với năm trước, đặc biệt là tình hình nợ công tăng cao, tác động xấu của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực nông nghiệp, quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu đi vào giai đoạn then chốt, trong bối cảnh địa chính trị diễn biến phức tạp... khiến cho nền kinh tế có những diễn biến bất thường.

Với nhận định trên, để tận dụng thời cơ đồng thời hạn chế được rủi ro, nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đồng vốn của cổ đông và nhà đầu tư cũng như duy trì và hướng tới vị trí công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động trong năm 2017 sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- Tiếp tục ổn định và hoàn thiện bộ máy tổ chức.
- Nâng cao năng lực hoạt động: xây dựng đội ngũ nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, có kinh nghiệm; tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống Core giao dịch chuẩn bị tham gia TTCK phái sinh vào năm 2018,;
- Ưu tiên nguồn lực cho hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và tư vấn để tiếp tục thay đổi cơ cấu doanh thu theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu từ các mảng dịch vụ, tư vấn, tiến tới cân đối với doanh thu với hoạt động tự doanh.

Đẩy mạnh hoạt động xây dựng, phát triển thương hiệu và hình ảnh Công ty Chứng khoán IB trong thị trường chứng khoán Việt Nam

b. Các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch

Trong năm 2017, các giải pháp sau được lựa chọn để thực hiện kế hoạch:

- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty,
- Tiếp tục củng cố và nâng cao công tác quản trị Công ty, vai trò của thành viên HĐQT độc lập; tiếp tục duy trì kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro Công ty thông qua việc nâng cao năng lực của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT;
- Chuẩn hoá hệ thống quy trình nghiệp vụ của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và quy định của pháp luật, đặc biệt là an toàn thông tin, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ,....;
- Thận trọng trong hoạt động đầu tư, tự doanh;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Đầu tư chiều sâu tối ưu hoá nghiệp vụ môi giới nhằm gia tăng thị phần đối với các công ty cùng ngành;
- Đầu tư phát triển công nghệ và dịch vụ hỗ trợ giao dịch hiện đại, mở rộng có chọn lọc mạng lưới hoạt động;
- Tiếp tục hướng dẫn đơn đốc triển khai chiến lược phát triển kinh doanh năm 2017 trong đó nhấn mạnh đến các hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành, dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm nhanh chóng khẳng định và cải thiện vị thế cạnh tranh của IBSC;
- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- Tối đa hóa lợi ích của cổ đông, cân đối thích hợp với việc điều hành công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thông tin về Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của IBSC bao gồm các thành viên sau:

- Ông Lê Khả Tuyên, Chủ tịch;
- Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thành viên kiêm Tổng giám đốc;
- Bà Cao Thị Hồng, Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Tuyết, Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc
- Bà Trương Thị Hoàng Lan, Thành viên độc lập.

Thông tin về các Thành viên HĐQT như sau:

Ông Lê Khả Tuyên – Chủ tịch

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 92.400 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,13%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1997-2001	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Ngân hàng	Cử nhân
2005-2007	Trường Đại học George Mason, Mỹ	Quản trị Kinh doanh	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2001-2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam	Chuyên viên Phòng Phát triển sản phẩm – Thị trường
2007-2010	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Trưởng phòng Tự doanh và Bảo lãnh Phát hành
2010-2013	Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Tây Giang	Phó Tổng Giám đốc
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Nhân viên
2015-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Thành viên HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác: không có.

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Thành viên kiêm Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1998 - 2002	Đại học Mở Hà Nội	Điện tử thông tin	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2007 - 2009	Công ty cổ phần Tài chính Hoa Bắc	Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị
2009 - 2011	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Nhân viên Môi giới chứng khoán

2011-04/2012	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Phó phòng Môi giới
04/2012-06/2013	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mekong	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám Đốc
T8/2013-T9/2015	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Sao Vàng	Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
08/10/2015 - 24/04/2016	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	Tổng Giám đốc
25/04/2016 – 09/05/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	- Tổng Giám đốc
10/05/2016 – 08/06/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	- Tổng Giám đốc - Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
09/06/2016 - 22/06/2016	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
23/06/2016 – 06/01/2017	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB
Từ 07/01/2017 đến nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	- Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	- Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần chứng khoán IB tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB

Chức danh tại các tổ chức khác: không.

Bà Cao Thị Hồng - Thành viên

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1991-1995	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính Ngân hàng	Cử nhân
2006-2008	Trường Paris Dauphine – ESCP Europe	Tài chính Ngân hàng	Thạc sỹ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
1995 – 1998	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Chuyên Viên Phòng Kế Toán
1999 – 2000	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Kế Toán Trưởng – Chi nhánh HCM
2001 – 2002	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Trưởng Phòng Nguồn Vốn và Kinh doanh ngoại tệ
2002 – 2003	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Chi nhánh Cầu Giấy
2003 – 2006	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	Giám Đốc Tài Chính
2006 – 2011	Công ty Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc
2011 – 2013	Ngân hàng Techcombank	Giám Đốc Kinh Doanh Miền Bắc, khối DVTC cá nhân
2013 – 2014	Ngân Hàng Quân Đội	Phó Giám Đốc Khối Đầu tư
2014 - 06/2017	Công ty CP Chứng khoán IB	Tổng Giám Đốc
2014-nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Thành viên HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác: không.

Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần Tỷ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2000-2003	Trường CĐ kinh tế	Kế toán doanh nghiệp	
2006-2011	Kinh tế quốc dân	Kế toán doanh nghiệp	
2005-2005	Kinh tế quốc dân	Chứng chỉ Kế toán trưởng	
2015-2016	Trường doanh nhân PTI	Chứng chỉ giám đốc nhân sự	

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
09/2003-2009	Trung tâm HN-GD TX Móng Cái	Kế toán
2010- 07/2013	Trung tâm HN-GD TX Móng Cái	Kế toán – Trưởng phòng Hành chính

09/2013-06/2014	Công ty cổ phần Việt Thái Sơn Capital	Trưởng phòng kế hoạch
07/2014-05/2016	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự
05/2016-10/2016	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự
10/2016 - nay	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức danh tại các tổ chức khác:

Bà Trương Thị Hoàng Lan - Thành viên HĐQT độc lập

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
1996-2000	Trường Đại học Thăng Long	Quản trị kinh doanh	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2004 - 2007	Công ty Đất Việt Nam	Giám đốc Tài Chính
2007 -2011	Công ty CP CK Việt Tín	Tổng Giám đốc
2011 - 05/2015	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Giám đốc Trung tâm Đầu tư và NHLK
05/2015 - nay	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Giám đốc Khối Đầu tư và Ngân hàng Lưu ký
04/2016 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Thành viên HĐQT

Chức danh tại các tổ chức khác: không.

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành 31 cuộc họp, ban hành 52 nghị quyết, quyết định liên quan đến quản trị điều hành công ty, cụ thể như sau:

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
Nghị quyết của HĐQT			
1	01A/2016/IBSC/NQ-HĐQT	04/01/2016	V/v: Hạn mức đầu tư năm 2016
2	01/2016/IBSC/NQ-HĐQT	13/01/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty - Ông Thái Hoàng Long
3	02A/2016/IBSC/NQ-HĐQT	15/01/2016	V/v Phụ cấp xăng xe cho thành viên HĐQT

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
4	02/2016/IBSC/NQ-HĐQT	29/01/2016	Ban hành Qui định về cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của IBSC
5	03/2016/IBSC/NQ-HĐQT	16/03/2016	V/v: Triệu tập họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
6	04/2016/IBSC/NQ-HĐQT	16/03/2016	V/v: Thay đổi Giám đốc Chi nhánh - Chi nhánh Hồ Chí Minh
7	05/2016/IBSC/NQ-HĐQT	16/03/2016	V/v: Miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh - Ông Đặng Văn Tân
8	06/2016/IBSC/NQ-HĐQT	16/03/2016	V/v: Bỏ nhiệm Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
9	07/2016/IBSC/NQ-HĐQT	05/04/2016	V/v Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
10	08/2016/IBSC/NQ-HĐQT	15/04/2016	Kế hoạch kinh doanh năm 2016
11	09/2016/IBSC/NQ-HĐQT	22/04/2016	Đề cử ứng viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 - Trương Thị Hoàng Lan
12	10/2016/IBSC/NQ-HĐQT	26/04/2016	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021
13	11/2016/IBSC/NQ-HĐQT	26/04/2016	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021
14	12/2016/IBSC/NQ-HĐQT	04/05/2016	Thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán tự hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng cho cổ đông ESOP
15	13/2016/IBSC/NQ-HĐQT	04/05/2016	V/v: Thực hiện PA phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
16	14/2016/IBSC/NQ-HĐQT	10/05/2016	V/v: Thay đổi người đại diện phần vốn góp của IBSC và IBFM
17	15/2016/IBSC/NQ-HĐQT	10/05/2016	V/v: Góp vốn vào Công ty cổ phần quản lý quỹ IBFM
18	16/2016/IBSC/NQ-HĐQT	20/05/2016	Nghị quyết phân công công việc và thù lao HĐQT, Ban kiểm soát
19	17/2016/IBSC/NQ-HĐQT	20/05/2016	Điều chỉnh mức lương của Quyền Kế toán trưởng Công ty
20	18/2016/IBSC/NQ-HĐQT	20/05/2016	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016
21	19/2016/IBSC/NQ-HĐQT	23/05/2016	Miễn nhiệm thành viên HĐQT Ông Nguyễn Văn Tuấn
22	20/2016/IBSC/NQ-HĐQT	25/05/2016	V/v: Bỏ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị - Nguyễn Thị Tuyết
23	21/2016/IBSC/NQ-HĐQT	25/05/2016	V/v: Thành lập Hội đồng đầu tư
24	21A/2016/IBSC/NQ-HĐQT	25/05/2016	Mức đóng BHXH ông Lê Khả Tuyên

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
25	21B/2016/IBSC/NQ-HĐQT	25/05/2016	Thù lao HĐQT bà Nguyễn Thị Tuyết
26	22/2016/IBSC/NQ-HĐQT	26/05/2016	V/v: Chốt DS cổ đông để thực hiện đồng thời việc trả cổ tức năm 2015 bằng tiền và bằng cổ phiếu
27	23/2016/IBSC/NQ-HĐQT	10/06/2016	V/v :Cử cán bộ đi công tác Nhật Bản
28	24/2016/IBSC/NQ-HĐQT	17/06/2016	V/v: Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
29	25/2016/IBSC/NQ-HĐQT	17/06/2016	V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
30	26/2016/IBSC/NQ-HĐQT	22/06/2016	V/v: Phát hành trái phiếu riêng lẻ và phê duyệt phương án phát hành
31	27/2016/IBSC/NQ-HĐQT	23/06/2016	V/v: Miễn nhiệm Tổng giám đốc - Bà Cao Thị Hồng
32	28/2016/IBSC/NQ-HĐQT	23/06/2016	V/v: Bổ nhiệm Tổng giám đốc - Ông Nguyễn Văn Hạnh
33	28A/2016/IBSC/NQ-HĐQT	23/06/2016	V/v: Mức lương của Tổng giám đốc - Ông Nguyễn Văn Hạnh
34	29/2016/IBSC/NQ-HĐQT	24/06/2016	V/v: Mua trái phiếu Công ty TNHH thiết bị và xây lắp Huy Hoàng
35	30/2016/IBSC/NQ-HĐQT	12/07/2016	V/v Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc - Nguyễn Tuấn Anh
36	31/2016/IBSC/NQ-HĐQT	21/07/2016	V/v Ban hành quy định về cơ cấu tổ chức quản trị và điều hành của IBSC
37	32/2016/IBSC/NQ-HĐQT	21/07/2016	V/v Thành lập tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT
38	33/2016/IBSC/NQ-HĐQT	21/07/2016	V/v Sửa đổi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Đầu tư
39	34/2016/IBSC/NQ-HĐQT	15/08/2016	V/v Thông qua việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 2 năm 2016 (50 tỷ)
40	35/2016/IBSC/NQ-HĐQT	18/08/2016	V/v Miễn nhiệm Phó TGD, Giám đốc chi nhánh - Thái Hoàng Long
41	36/2016/IBSC/NQ-HĐQT	18/08/2016	V/v Bổ nhiệm GD chi nhánh HCM- Nguyễn Tuấn Anh
42	37/2016/IBSC/NQ-HĐQT	19/08/2016	V/v Mua lại trái phiếu VIX trước hạn
43	38/2016/IBSC/NQ-HĐQT	24/08/2016	V/v Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc - Đặng Văn Tân
44	39/2016/IBSC/NQ-HĐQT	15/09/2016	V/v Phân công công việc và mức thù lao trong HĐQT, ban kiểm soát
45	40/2016/IBSC/NQ-HĐQT	15/09/2016	V/v Phụ cấp xăng xe cho TGD tính từ tháng 9/2016

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
46	41/2016/IBSC/NQ-HĐQT	23/09/2016	V/v Chi lương kinh doanh cho nhân viên
47	42/2016/IBSC/NQ-HĐQT	17/10/2016	V/v Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc- Nguyễn Thị Tuyết
48	43/2016/IBSC/NQ-HĐQT	20/12/2016	V/v Định hướng công tác tổ chức và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017
49	44/2016/IBSC/NQ-HĐQT	26/12/2016	V/v Phê duyệt chi lương tháng thứ 13 và lương kinh doanh năm 2016
50	45/2016/IBSC/NQ-HĐQT	29/12/2016	V/v Phê duyệt và ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức quản trị và điều hành của IBSC
51	46/2016/IBSC/NQ-HĐQT	30/12/2016	V/v Thành lập Hội đồng thanh lý TSCĐ - CCDC
52	47/2016/IBSC/NQ-HĐQT	30/12/2016	V/v Phê duyệt Phương án thanh lý TSCĐ - CCDC
Các quyết định của Chủ tịch HĐQT			
1	01/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	04/01/2016	V/v Bổ nhiệm Giám đốc Khối IB- Ông Trần Trọng Tài
2	02/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	05/04/2016	V/v Các nội dung liên quan đến họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
3	03/2016/IBSC/QĐ-TT.HĐQT	10/05/2016	V/v Thay đổi người đại diện phần vốn góp của IBSC tại VDIF
4	04/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	22/06/2016	V/v Giao kế hoạch kinh doanh cho phòng đầu tư
5	05/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	22/06/2016	V/v Giao kế hoạch kinh doanh cho Khối IB - Hội sở
6	06/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	22/06/2016	V/v Giao kế hoạch kinh doanh cho Khối Môi giới - Hội sở
7	07/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	22/06/2016	V/v Giao kế hoạch kinh doanh cho Phòng DVKH - Hội sở
8	08/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	22/06/2016	V/v Giao kế hoạch kinh doanh cho Chi nhánh Hồ Chí Minh
9	09/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	09/08/2016	V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban quản trị rủi ro (kèm theo Quy chế của TBQTRR)
10	10/2016/IBSC/QĐ-CT.HĐQT	08/09/2016	V/v Thời điểm và lãi suất mua lại trái phiếu trước hạn

Nguồn: Báo cáo quản trị Công ty năm 2016

HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn của mình đối với hoạt động quản trị điều hành công ty trong đó có :

- Giám sát, chỉ đạo Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Xây dựng và ban hành các văn bản, quy định, quy chế quản trị nội bộ,
- Xây dựng chiến lược phát triển công ty theo định hướng chuyên nghiệp, hiệu quả
- Minh bạch trong việc công bố thông tin,
- Chấp hành quy định của pháp luật, điều lệ công ty.
- Đảm bảo quyền lợi cho tất cả các cổ đông và cán bộ nhân viên công ty theo quy chế quy định đã ban hành.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ngày 25/05/2016, HĐQT ra nghị quyết số 21/2016/IBSC/NQ-HĐQT về việc thành lập Hội đồng đầu tư (là một tiểu ban của HĐQT). Hội đồng đầu tư đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Phê duyệt chủ trương, chính sách đầu tư cho từng thời kỳ, theo kế hoạch hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phê duyệt danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch (Upcom), giới hạn lỗ/lãi cho từng mã chứng khoán đầu tư, các phương án xử lý lỗ/lãi khi cần thiết.
- Phê duyệt các giao dịch mua bán cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch (OTC), các giao dịch mua bán trái phiếu.
- Phê duyệt tổng mức đầu tư cho từng mã chứng khoán và cho toàn bộ danh mục đầu tư trong từng thời kỳ.
- Phê duyệt các hợp đồng tư vấn bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn có giá trị dưới 100 tỷ đồng/mỗi hợp đồng.
- Phê duyệt kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn, danh sách các tổ chức tín dụng để gửi tiền đảm bảo an toàn, hiệu quả nguồn vốn.

Ngày 21/07/2016, HĐQT ra nghị quyết số 32/2016/IBSC/NQ-HĐQT thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT để tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro trong công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của IBSC bao gồm 03 thành viên:

- Bà Trịnh Mỹ Lệ, Trưởng ban;
- Bà Dương Thị Kim Oanh, thành viên;
- Bà Đỗ Thị Sâm, thành viên.

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát như sau:

Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ – Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 0 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2008-2012	Đại học Thương Mại	Kế toán	Cử nhân

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
T6/2012- T3/2013	Công ty TNHH SX và TM Quang Minh	Nhân viên Kế toán
T4/2013- T2/2015	Công ty TNHH Thế hệ mới Vĩnh Phúc	Nhân viên Kế toán
T3/2015 đến nay	Công ty CP FTG Việt Nam	Nhân viên Kế toán
T4/2016-đến nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát

Bà Dương Thị Kim Oanh – Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 5.775 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0.008 %

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2003-2007	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán – Kiểm toán	Cử nhân
2011-2011	Học viện Tài chính	Kế toán trưởng	Chứng chỉ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2007-2009	Công ty Kiểm toán ASC	Trợ lý kiểm toán
2009-2014	Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	Nhân viên Kiểm soát nội bộ
2014- T3/2015	Công ty CP Chứng khoán IB	Nhân viên Kiểm soát nội bộ
T3/2015- T8/2015	Công ty CP Chứng khoán IB	Pháp chế
T3/2015-đến nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát
T8/2015-đến nay	Công ty CP Quản lý quỹ IB	Nhân viên Kiểm soát nội bộ

Bà Đỗ Thị Sâm - Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu tại IBSC: 5.775 cổ phần

Tỉ lệ sở hữu: 0,008%

Quá trình đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp
2003-2007	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Ngân hàng tài chính	Cử nhân
2015-2015	Học viện tài chính	Kế toán trưởng	Chứng chỉ

Quá trình làm việc:

Thời gian	Tổ chức	Vị trí làm việc
2007-2014	Công ty CP chứng khoán Đại Tây Dương	Nhân viên quản lý tín dụng
2014-T5/2015	Công ty CP chứng khoán IB	Nhân viên kế toán
T5/2015-T9/2015	Công ty CP chứng khoán Phố Wall	Nhân viên kế toán
10/2015 đến nay	Công ty CP Quản lý Quỹ IB	Phụ trách kế toán
T4/2016-đến nay	Công ty CP Chứng khoán IB	Ban kiểm soát

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, BKS đã tiến hành họp 02 lần đáp ứng điều kiện tối thiểu 02 lần/năm theo quy định tại điều lệ của IBSC. Các Thành viên trong BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp do Trưởng BKS triệu tập và tích cực đóng góp ý kiến và thảo luận các vấn đề nêu trong cuộc họp. Nội dung các cuộc họp bao gồm:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty đối với việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của công ty.
- Kiểm tra công tác quản lý và ban hành các văn bản của HĐQT, của ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra giám sát việc mua sắm, các khoản chi tiêu theo đúng quy định và định mức chi tiêu của công ty, công tác quản lý tài sản, thanh lý tài sản, cố định, công cụ dụng cụ.
- Kiểm tra/xem xét công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra/giám sát và đánh giá về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, phối hợp với các bộ phận này để cùng thực hiện kiểm tra kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Một số hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS.

Các Thành viên BKS đã bám sát quy trình của BKS để thực hiện các nhiệm vụ được phân công, trong năm 2016, theo đánh giá chủ quan của BKS, các công việc sau đã thực hiện tốt::

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác trong công ty đối với việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của công ty.
- Kiểm tra công tác quản lý và ban hành các văn bản của HĐQT, của Ban Điều hành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trung thực trong công tác tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính và lưu trữ chứng từ
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính bán niên và cả năm 2016.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2016.
- Kiểm tra/giám sát và đánh giá về hiệu quả hoạt động và báo cáo của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, phối hợp với các bộ phận này để cùng thực hiện kiểm tra kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về thực hiện CBTT theo các quy định của pháp luật

Trong năm 2016, BKS không nhận được đơn thư khiếu nại của bất kỳ cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Bảng 8: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, BKS, BDH (đơn vị tính: triệu VNĐ)

TT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
1	Ngô Phương Chí	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	272,800,000
2	Lê Khả Tuyên	Chủ tịch HĐQT (đương nhiệm)	723,365,000
3	Nguyễn Văn Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	206,300,000
4	Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT - TGD	419,304,524
5	Lê Đăng Thọ	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	40,000,000
6	Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	80,000,000
7	Nguyễn Văn Hạnh	Thành viên HĐQT - TGD	500,059,167
8	Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên HĐQT - Phó TGD	519,221,429
9	Bùi Thị Xuân	Trưởng ban KS	24,000,000
10	Trịnh Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban KS	48,000,000
11	Dương Thị Kim Oanh	Thành viên ban KS	52,500,000
12	Đỗ Thị Sâm	Thành viên ban KS	24,000,000
13	Nguyễn Tú Uyên	Thành viên ban KS	12,000,000
14	Đặng Văn Tân	Phó TGD	391,520,000
15	Thái Hoàng Long	Phó TGD	756,307,857
16	Nguyễn Tuấn Anh	Phó TGD	672,305,000
	Cộng		4,741,682,977

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Bảng 9: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Công ty CP FTG Việt Nam	Cổ đông lớn	14.343.790	21,48%	15.060.980	21,48%
Cao Thị Hồng	Thành viên HĐQT	572.000	0,857%	00.00	0,00%
PYN Elite Fund	Cổ đông lớn	0	0,00	10.008.400	14,28%
Nguyễn Văn Tuấn	Cổ đông lớn	3.410.000	5,11%	3.580.500	5,10%
Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT	88.000	0,13%	92.400	0,13%
Trần Thị Hồng Hà	Quyền Kế toán trưởng	44.000	0,066%	46.200	0,066%
Dương Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	5.500	0,008%	5.775	0,008%
Đỗ Thị Sâm	Thành viên BKS	5.500	0,008%	5.775	0,008%

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Số TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung giao dịch/hợp đồng
1	Công ty CP quản lý quỹ IB	Công ty con	Mua cổ phần, góp vốn bổ sung, phí giao dịch mua bán chứng khoán, ủy thác đầu tư
2	Công ty CP FTG Việt Nam	Cổ đông lớn	Phí giao dịch mua bán chứng khoán, phí tư vấn, phí lưu ký chứng khoán.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo Thường niên 2016 là Báo cáo hợp nhất. Báo cáo riêng của Công ty mẹ IBSC được công bố tại trang web của IBSC theo đường dẫn sau:

<http://ibsc.vn/home/Tin-tuc/Chuyen-muc,Quan-he-co-dong-2,Bao-cao-IBSC/IBSC-cong-bo-Bao-cao-tai-chinh-nam-2016-cua-Cong-ty-me-da-kiem-toan/>

1. Ý kiến kiểm toán

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán IB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ

hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số 16-02-162/6



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

(Mẫu B01 – CTCK/HN Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		988.146.566.013	709.773.367.437
I. Tài sản tài chính	110		987.099.951.395	709.299.850.435
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7	5.220.167.615	1.175.678.266
1.1. Tiền	111.1		5.220.167.615	1.175.678.266
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	9(a)	451.406.031.326	385.424.773.721
4. Các khoản cho vay	114	9(b)	317.637.700.835	146.676.579.003
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116	10	(26.580.629.189)	(11.003.815.394)
7. Các khoản phải thu	117		162.695.226.528	1.147.562.144
7.1. Phải thu từ bán các TSTC	117.1		154.523.153.000	200.000.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2		8.172.073.528	947.562.144
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		8.172.073.528	947.562.144
8. Trả trước cho người bán	118		74.337.070.000	48.889.010.400
9. Phải thu các dịch vụ cung cấp	119		14.748.482.190	138.450.700.897
12. Các khoản phải thu khác	122		419.470.395	11.157.356.923
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(12.783.568.305)	(12.617.995.525)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.046.614.618	473.517.002
1. Tạm ứng	131		429.501.000	354.528.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		276.638.353	54.874.101
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		340.125.265	64.014.901
4. Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		350.000	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		104.751.514.332	105.942.141.637
I. Tài sản tài chính dài hạn	210	12	53.078.629.069	51.500.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		53.078.629.069	51.500.000.000
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		51.578.629.069	50.000.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		1.500.000.000	1.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.606.555.047	13.103.752.973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.817.164.262	5.471.055.718
- Nguyên giá	222		18.450.956.590	18.761.133.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(12.633.792.328)	(13.290.078.137)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.789.390.785	7.632.697.255
- Nguyên giá	228		11.456.581.371	11.864.696.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(4.667.190.586)	(4.231.998.997)
V. Tài sản dài hạn khác	250		39.066.330.216	41.338.388.664
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.466.630.320	1.446.821.770
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		2.063.704.091	3.314.668.234
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	4.038.531.535	3.618.090.445
5. Tài sản dài hạn khác	255	16	23.500.000.000	23.500.000.000
6. Lợi thế thương mại	256		7.997.464.270	9.458.808.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.092.898.080.345	815.715.509.074

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		294.832.525.912	39.586.983.232
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		271.185.022.575	15.939.479.895
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	17	221.151.000.000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	658.981.683	535.758.012
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		29.726.391.372	143.937.772
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		5.099.225.000	610.294.905
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	7.159.442.939	12.522.155.946
11. Phải trả người lao động	323		98.333.493	90.545.993
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		89.021.651	35.265.351
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		1.632.939.107	384.221.300
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		5.569.687.330	1.617.300.616
II. Nợ phải trả dài hạn	340		23.647.503.337	23.647.503.337
5. Phải trả người bán dài hạn	347		147.503.337	147.503.337
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353	20	23.500.000.000	23.500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		798.065.554.433	776.128.525.842
I. Vốn chủ sở hữu	410		798.065.554.433	776.128.525.842
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		701.001.650.000	667.622.970.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		9.912.173.038	7.172.505.558
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		12.374.434.993	9.634.767.513
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		2.462.261.955	2.462.261.955
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	21	62.384.849.008	79.396.595.064
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	418		9.930.185.439	9.839.425.752
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		1.092.898.080.345	815.715.509.074

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
5. Ngoại tệ các loại	005	2.104.347	2.375.905
6. Cổ phiếu đang lưu hành (Số cổ phiếu)	006	70.100.165	66.762.297
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	155.232.790.000	299.759.820.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	2.772.660.000	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	184.212.840.000	-
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		6.305.400.040	11.908.475
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		422.523.511.000	55.068.435.452
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		14.800.881.945	-
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		428.286.077	12.559.619
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	1.772.717.250.000	1.375.692.120.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	1.582.826.360.000	1.197.721.520.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2	25.500.170.000	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3	100.745.920.000	141.729.520.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	63.644.800.000	36.241.080.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	33.555.930.000	127.093.480.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	19.738.660.000	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	13.817.270.000	-
d. Tài sản tài chính đã lưu lý tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4	-	127.093.480.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	-	172.750.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	309.546.760.425	123.794.534.066
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	279.891.253.700	111.024.554.844
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	29.652.052.516	-
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	3.454.209	12.769.979.222
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1	3.454.209	12.769.979.222
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	210.040.516.561	19.353.718.822
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	210.040.516.561	19.353.718.822
13 Phải trả khách hàng về giao dịch chứng khoán	036	99.506.243.864	104.437.969.931
13.1. Phải trả VSD về thanh toán bù trừ của khách hàng	036A	99.502.169.000	104.437.969.931
13.2. Phải trả khác của khách hàng	036B	4.074.864	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12
NĂM 2016**

(Mẫu B02 – CTCK/HN Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (Phân loại lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		123.563.161.050	133.969.585.214
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	22(a)	100.197.448.827	122.346.683.741
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	22(b)	23.365.712.223	11.622.901.473
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02		57.250.281	148.584.474
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	22(c)	28.010.896.354	9.910.283.836
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		21.052.417.054	6.856.642.093
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		3.012.434.900	8.454.900.000
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2.029.477.915	927.991.825
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính	10		7.015.454.545	4.175.188.963
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		2.679.792.926	21.441.655
Cộng doanh thu hoạt động	20		187.420.885.025	164.464.618.060
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		62.110.783.414	45.843.466.679
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	23(a)	46.533.969.619	42.682.860.816
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	23(b)	15.576.813.795	3.069.295.773
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3		-	91.310.090
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.771.342.985	1.623.489.478
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		9.686.635.993	3.544.837.500
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		56.918.182	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		3.792.919.343	2.518.258.394
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.861.708.200	3.962.233.805
2.12. Chi phí khác	32		1.908.756.767	93.499.243
Cộng chi phí hoạt động	40		83.189.064.884	57.585.785.099
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	2.547.001
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.172.685.134	1.700.745.223
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		67.613.985	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.240.299.119	1.703.292.224
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.2. Chi phí lãi vay	52		10.726.017.809	197.917.100
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	215.480.623
Cộng chi phí tài chính	60		10.726.017.809	413.397.723
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
	62	24	30.359.750.461	22.988.335.379
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
(70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		64.386.350.990	85.180.392.083

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12
NĂM 2016 (TIẾP THEO)**

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (Phân loại lại)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		747.211.926	3.911.111.904
8.2. Chi phí khác	72		126.603.618	382.728.800
Cộng kết quả hoạt động khác = 71 - 72)	(80) 80		620.608.308	3.528.383.104
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		65.006.959.298	88.708.775.187
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		11.267.411.276	15.208.820.577
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	25	11.267.411.276	15.208.820.577
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		53.739.548.022	73.499.954.610
11.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		53.648.788.335	71.244.365.633
11.3 Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát	203		90.759.687	2.255.588.977
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		1.578.629.069	-
12.5 Lãi được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh chưa chia Tổng thu nhập toàn diện 400 = 200 + 300)	305 (400		1.578.629.069 55.318.177.091	- 73.499.954.610
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		55.227.417.404	71.244.365.633
Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát	402		90.759.687	2.255.588.977
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		53.648.788.335	71.244.365.633
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) - (trình bày lại)	501	26	765	1.233

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12
NĂM 2016 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

(Mẫu B03b – CTCK/HN ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (Phân loại lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	01	Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	65.006.959.298	88.708.775.187
2.	02	Điều chỉnh cho các khoản:	5.660.721.360	(5.460.919.363)
	03	- Khấu hao TSCĐ	2.558.029.199	2.915.767.267
	04	- Các khoản dự phòng	15.742.386.575	3.005.788.670
	06	- Chi phí lãi vay	10.726.017.809	197.917.100
	07	- Lãi từ hoạt động đầu tư	(10.870.343.568)	(11.580.392.400)
	08	- Dự thu tiền lãi	(12.495.368.655)	-
5.	30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02)	70.667.680.658	83.247.855.824
	31	- Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(65.904.866.597)	(86.643.930.805)
	33	- Tăng các khoản cho vay	(170.961.121.832)	(146.676.579.003)
	35	- Tăng các khoản phải thu bán các TSTC	(145.785.978.000)	-
	37	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu bán các dịch vụ CTCK cung cấp	123.702.218.707	(135.779.775.065)
	39	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	(45.478.969.563)	346.059.374
	40	- Giảm các tài sản khác	22.868.395.427	8.859.938.517
	42	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	974.853.779	(2.691.241.869)
	43	- Thuế TNDN đã nộp	(17.905.600.008)	(14.715.327.689)
	44	- Lãi vay đã trả	(10.126.234.811)	(197.917.100)
	45	- Tăng phải trả cho người bán	29.709.600.321	-
	47	- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.243.324.653	-
	50	- Tăng phải trả, phải nộp khác	9.190.965.549	28.298.807.939
		- Tăng trái phiếu phát hành	221.151.000.000	-
	60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	23.345.268.283	(265.952.109.877)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(2.060.831.273)	(8.630.851.300)
3.	63	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	-	(51.500.000.000)
5.	65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.141.200.831	11.580.392.401
		Mua công ty con	-	(12.980.950.716)
	70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	14.080.369.558	(61.531.409.616)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	-	306.930.000.000
3	73	Tiền vay gốc	-	185.543.344.722
4	74	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(185.543.344.722)
6	76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(33.381.148.500)	-
	80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(33.381.148.500)	306.930.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY ERROR!
REFERENCE SOURCE NOT FOUND. (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND (Phân loại lại)
IV.	90	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	4.044.489.349	(20.553.519.493)
V.	101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	1.175.678.266	21.729.197.759
VI.	103	7 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	5.220.167.615	1.175.678.266
			2016 VND	2015 VND
		Giao dịch phi tiền tệ trọng yếu Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối	33.378.680.000	60.692.970.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	CHỈ TIÊU	Mã số	2016 VND	2015 VND
I.	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	5.342.359.373.820	1.839.982.314.500
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(6.173.555.864.030)	(2.364.428.588.700)
7.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	1.069.863.733.928	706.976.666.269
	Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		1.959.435.870.528	805.544.210.666
	Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(2.012.350.887.887)	(892.502.036.983)
	Tăng tiền thuần trong năm	20	185.752.226.359	95.572.565.752
II.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	123.794.534.066	28.221.968.314
IV.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	309.546.760.425	123.794.534.066

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

(Mẫu B04 – CTCK/HN ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2016		2015		2016		31/12/2016	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I Biến động vốn chủ sở hữu								
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	667.622.970.000	367.622.970.000	-	33.378.680.000	-	667.622.970.000	701.001.650.000
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.966.195.125	7.172.505.558	3.206.310.433	-	2.739.667.480	-	7.172.505.558	9.912.173.038
5 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	6.428.457.080	9.634.767.513	3.206.310.433	-	2.739.667.480	-	9.634.767.513	12.374.434.993
6 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.462.261.955	2.462.261.955	-	-	-	-	2.462.261.955	2.462.261.955
7 Lợi nhuận chưa phân phối	76.084.171.142	79.396.595.064	71.244.365.633	(67.931.941.711)	55.227.417.404	(72.239.163.460)	79.396.595.064	62.384.849.008
8 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	9.839.425.752	9.839.425.752	-	90.759.687	-	9.839.425.752	9.930.185.439
TỔNG CỘNG	388.941.085.302	776.128.525.842	455.119.382.251	(67.931.941.711)	94.176.192.051	(72.239.163.460)	776.128.525.842	798.065.554.433

Handwritten mark

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

(Mẫu B05 – CTCK/HN ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

a. Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với tên gọi ban đầu là Công ty Chứng khoán Vincom. Công ty đã chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần chứng khoán IB từ ngày 21 tháng 5 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

b. Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, ký quỹ chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

c. Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 701.001.650.000 VND (31/12/2015: 667.622.970.000 VND).

d. Niêm yết

Từ ngày 29 tháng 12 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu chứng khoán niêm yết là VIX. Số lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 70.100.165 cổ phiếu VIX (31/12/2015: 66.762.297 cổ phiếu) tương ứng với số vốn điều lệ nêu trên.

e. Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, Công ty có một công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Giấy phép Thành lập và hoạt động	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB	<ul style="list-style-type: none">Giấy phép Thành lập và hoạt động ban đầu số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2015	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	57,25 tỷ VND	77,73%

f. Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 84 nhân viên (31/12/2015: 76 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng các hướng dẫn kế toán mới và các quy định chưa được áp dụng

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 ("Thông tư 95") của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") về Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210. Thông tư 334 có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2016 và áp dụng cho năm tài chính 2016.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập theo mẫu biểu mới của Thông tư 334. Đồng thời, các số liệu so sánh của năm trước đã được trình bày cho phù hợp với năm hiện tại (Thuyết minh 28 - Số liệu so sánh).

Cũng theo Thông tư 210, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính và sẽ phải thuyết minh về cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này. Hiện tại Tập đoàn chưa xác định ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính đối với báo cáo tài chính của Tập đoàn cho các kỳ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a. Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày

quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

b. Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Thuyết minh d;
- Các khoản cho vay: Thuyết minh e; và
- Công ty phân loại tất cả các khoản nợ tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Tập đoàn chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Tập đoàn đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Tập đoàn chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Tập đoàn không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Tập đoàn chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Tập đoàn có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng TSTC

Đối với các khoản đầu tư, nếu tại cuối kỳ kế toán, giá trị thị trường thấp hơn giá gốc, Tập đoàn sẽ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho các khoản đầu tư đó. Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trong trường hợp giá trị thị trường không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Tập đoàn trích lập dự phòng phải thu khó đòi như được trình bày trong Thuyết minh 4(f).

Các khoản lỗ tổn thất do suy giảm giá trị của TSTC, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng cho các khoản vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Tập đoàn.

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Tập đoàn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

d. Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của TSTC này.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết). Cuối kỳ kế toán, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

e. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Tập đoàn bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính này.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Cuối kỳ kế toán, các khoản cho vay được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi như được trình bày trong Thuyết minh 4(f).

f. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") do Bộ Tài chính ban hành.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

g. Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- máy móc thiết bị	4 - 5 năm
- phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
- tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5 năm

h. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 10 năm.

i. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

j. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

k. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

l. Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

m. Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

n. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được phòng ngừa rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

o. Doanh thu và thu nhập khác

(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Tập đoàn nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Tập đoàn chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(iv) **Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) **Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

p. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

q. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

r. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

s. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

t. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

u. Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Quản trị rủi ro tài chính

a. Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

b. Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc đã thành lập Ban quản lý rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban quản lý rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

c. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản cho vay và phải thu khách hàng và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	5.170.621.104	1.073.649.265
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	110.000.000.000	-
Các khoản cho vay	(iii)	317.637.700.835	146.676.579.003
Các khoản phải thu	(iii)	177.863.179.113	150.755.619.964
		<u>610.671.501.052</u>	<u>298.505.848.232</u>

(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) *Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ*

Tập đoàn giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ dễ thanh khoản, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tập đoàn.

(iii) *Các khoản cho vay và các khoản phải thu*

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	221.751.121.998	241.166.100.000	241.166.100.000	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	658.981.683	658.981.683	658.981.683	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	29.726.391.372	29.726.391.372	29.726.391.372	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.032.817.109	1.032.817.109	1.032.817.109	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	5.569.687.330	5.569.687.330	5.569.687.330	-	-	-
Phải trả người bán dài hạn	147.503.337	147.503.337	-	-	147.503.337	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	23.500.000.000	23.500.000.000	-	-	23.500.000.000	-
	282.386.502.829	301.801.480.831	278.153.977.494	-	23.647.503.337	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	535.758.012	535.758.012	535.758.012	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	143.937.772	143.937.772	143.937.772	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	384.221.300	384.221.300	384.221.300	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.617.300.616	1.617.300.616	1.617.300.616	-	-	-
Phải trả người bán dài hạn	147.503.337	147.503.337	-	-	147.503.337	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	23.500.000.000	23.500.000.000	-	-	23.500.000.000	-
	26.328.721.037	26.328.721.037	2.681.217.700	-	23.647.503.337	-

25.

e. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tập đoàn.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	5.170.621.104	1.073.649.265
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	110.000.000.000	-
Cho vay kỳ quỹ	259.324.794.895	121.429.108.050
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	4.038.531.535	3.618.090.445

Nợ phải trả tài chính

Trái phiếu phát hành ngắn hạn	221.151.000.000	-
-------------------------------	-----------------	---

Do các công cụ tài chính có lãi suất cố định và được hạch toán theo giá gốc nên sự thay đổi của lãi suất thị trường không có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và tất cả các quyết định mua và bán đều phải được Hội đồng đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Tập đoàn là 208.404 triệu VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 8% tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Tập đoàn sẽ tăng 7.668 triệu VND hoặc giảm 9.212 triệu VND.

6. Báo cáo bộ phận

a. *Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh*

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động môi giới: Là các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư, tư vấn, dịch vụ lưu ký.
- Hoạt động tự doanh: Là các hoạt động mua bán chứng khoán của Công ty trên thị trường.
- Hoạt động kinh doanh nguồn vốn: Chủ yếu là thu lãi từ việc ứng trước tiền bán chứng khoán cho vay kỳ quỹ, thu lãi tiền gửi ngân hàng

	Hoạt động môi giới		Hoạt động tự doanh		Hoạt động kinh doanh nguồn vốn		Tổng	
	2016 VND	2015 VND (phần lợi lại)	2016 VND	2015 VND (phần lợi lại)	2016 VND	2015 VND (phần lợi lại)	2016 VND	2015 VND (phần lợi lại)
Doanh thu hoạt động	-	-	123.563.161.050	133.969.585.214	-	-	123.563.161.050	133.969.585.214
- Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính phái sinh	-	-	57.250.281	148.584.474	-	-	57.250.281	148.584.474
- Lãi từ TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	28.010.896.354	9.910.283.836	28.010.896.354	9.910.283.836
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.052.417.054	6.856.642.093	-	-	-	-	21.052.417.054	6.856.642.093
- Doanh thu môi giới chứng khoán	-	-	-	-	3.012.434.900	8.454.900.000	3.012.434.900	8.454.900.000
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-	-	2.029.477.915	927.991.825	2.029.477.915	927.991.825
- Doanh thu tư vấn tài chính	-	-	-	-	7.015.454.545	4.175.188.963	7.015.454.545	4.175.188.963
- Thu nhập hoạt động khác	-	-	-	-	2.679.792.926	21.441.655	2.679.792.926	21.441.655
- Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	1.240.299.119	1.703.292.224	1.240.299.119	1.703.292.224
Tổng doanh thu của bộ phận	21.052.417.054	6.856.642.093	123.620.411.331	134.118.169.688	43.988.355.759	25.193.098.503	188.661.184.144	166.167.910.284

	Hoạt động môi giới		Hoạt động tự doanh		Hoạt động kinh doanh nguồn vốn		Tổng	
	2016 VND	2015 VND (phần loại lại)	2016 VND	2015 VND (phần loại lại)	2016 VND	2015 VND (phần loại lại)	2016 VND	2015 VND (phần loại lại)
Chi phí trực tiếp								
- Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ	-	(62.110.783.414)	(45.843.466.679)	-	-	(62.110.783.414)	(45.843.466.679)	
- Chi phí hoạt động tự doanh	-	(1.771.342.985)	(1.623.489.478)	-	-	(1.771.342.985)	(1.623.489.478)	
- Chi phí môi giới chứng khoán	(9.686.635.993)	(3.544.837.500)	-	-	-	(9.686.635.993)	(3.544.837.500)	
- Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-	-	(56.918.182)	-	(56.918.182)	-
- Chi phí lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	(3.792.919.343)	(2.518.258.394)	(3.792.919.343)	(2.518.258.394)
- Chi phí tư vấn	-	-	-	-	(3.861.708.200)	(3.962.233.805)	(3.861.708.200)	(3.962.233.805)
- Chi phí khác	-	-	-	-	(1.908.756.767)	(93.499.243)	(1.908.756.767)	(93.499.243)
- Chi phí từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	(10.726.017.809)	(413.397.723)	(10.726.017.809)	(413.397.723)
Tổng chi phí	(9.686.635.993)	(3.544.837.500)	(63.882.126.399)	(47.466.956.157)	(20.346.320.301)	(6.987.389.165)	(93.915.082.693)	(57.999.182.822)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	11.365.781.061	3.311.804.593	59.738.284.932	86.651.213.531	23.642.035.458	18.205.709.338	94.746.101.451	108.168.727.462
Chi phí không phân bổ							(30.359.750.461)	(22.988.335.379)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							64.386.350.990	85.180.392.083
Thu nhập khác							747.211.926	3.911.111.904
Chi phí khác							(126.603.618)	(382.728.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(11.267.411.276)	(15.208.820.577)
Lợi nhuận thuần sau thuế							53.739.548.022	73.499.954.610

b. Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty hoạt động ở một khu vực địa lý là Việt Nam.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Phân loại lại)
Tiền mặt	49.546.511	102.029.001
Tiền gửi ngân hàng	5.170.621.104	1.073.649.265
	5.220.167.615	1.175.678.266

8. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2016		2015	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000
Của Tập đoàn				
Cổ phiếu	60.981.178	1.076.102.344	132.418.008	2.045.897.159
Trái phiếu	9.836.490	2.204.727.309	-	-
Chứng khoán khác	2.680	211.184.444	-	-
Của nhà đầu tư				
Cổ phiếu	863.236.416	11.283.357.608	351.324.718	4.777.384.454
Trái phiếu	-	-	50	5.000.000
	934.056.764	14.775.371.705	483.742.776	6.828.281.613

9. Các loại tài sản tài chính

a. TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	262.776.712.961	309.216.693.460	187.501.657.540	172.264.187.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	28.629.318.365	(*)	197.923.116.181	(*)
Trái phiếu	110.000.000.000	(*)	-	(*)
Quyền mua chứng khoán	50.000.000.000	(*)	-	(*)
	451.406.031.326	(*)	385.424.773.721	(*)

b. Các khoản cho vay

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay quỹ	259.324.794.895	(*)	121.429.108.050	(*)
Ứng trước tiền bán chứng khoán	58.312.905.940	(*)	25.247.470.953	(*)
	<u>317.637.700.835</u>	<u>(*)</u>	<u>146.676.579.003</u>	<u>(*)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp

	31/12/2016			31/12/2015			Mức trích lập/ (hoàn nhập) trong năm VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND	
I TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ							
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>							
S99	1.894.495	13.450.450.137	9.283.025.500	4.167.424.637	3.027.520.337	1.139.904.300	
SDA	825.658	7.030.521.683	3.302.632.000	3.727.889.683	13.053.385	3.714.836.298	
CAV	676.120	43.291.913.750	39.214.960.000	4.076.953.750	-	4.076.953.750	
GTN	1.100.002	21.890.021.079	18.260.033.200	3.629.987.879	-	3.629.987.879	
MHC	674.705	7.180.200.000	4.264.135.600	2.916.064.400	5.153.570.353	(2.237.505.953)	
PTC	1.356.790	11.700.956.960	9.144.764.600	2.556.192.360	-	2.556.192.360	
PCT	3.964.100	40.791.600.000	35.676.900.000	5.114.700.000	-	5.114.700.000	
Cổ phiếu khác	142.922	873.987.000	674.811.710	199.175.290	2.803.529.588	(2.604.354.298)	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>							
Cổ phiếu khác	200.304	4.314.024.090	4.121.782.900	192.241.190	6.141.731	186.099.459	
	10.835.096	150.523.674.699	123.943.045.510	26.580.629.189	11.003.815.394	15.576.813.795	

BB

11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	<u>12.783.568.305</u>	<u>12.617.995.525</u>

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.617.995.525	12.681.502.628
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	165.572.780	(63.507.103)
Số dư cuối năm	<u>12.783.568.305</u>	<u>12.617.995.525</u>

12. Tài sản tài chính dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
					VND		VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:							
Quỹ đầu tư Khám phá giá trị	Tầng 6, TTTM Cửa Nam,	5.000.000	50%	50%	50.000.000.000	-	51.578.629.069
Ngân hàng Công thương Việt Nam	34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội						
Đầu tư dài hạn khác (*)					1.500.000.000	-	(**)
					<u>51.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(**)</u>

(*) Theo cam kết góp vốn thành lập công ty ngày 7 tháng 4 năm 2015 giữa các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không ("ACS"), Tập đoàn sẽ góp 25 tỷ VND chiếm 10% sở hữu vào ACS. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã góp đủ 25 tỷ VND.

Theo thỏa thuận hợp tác ký kết giữa Tập đoàn và một đối tác của Tập đoàn, trong phần góp vốn trị giá 25 tỷ VND (tương đương 10% sở hữu) do Tập đoàn đầu tư vào ACS, Tập đoàn đóng góp 1,5 tỷ VND (tương đương 0,6% sở hữu) và đối tác của Tập đoàn đóng góp 23,5 tỷ VND (tương đương 9,4% sở hữu). Mỗi bên nhận toàn bộ lợi ích và chịu toàn bộ rủi ro đối với phần đầu tư của mình. Khoản tiền đã nhận được từ đối tác hợp tác và đã chuyển cho ACS được Tập đoàn ghi nhận tương ứng là phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 20) và tài sản dài hạn khác (Thuyết minh 16).

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

RS

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Nguyên giá	Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	13.386.373.131	2.679.053.700	1.402.499.650	1.293.207.374	18.761.133.855					
Tăng trong năm	-	1.367.740.000	75.717.273	48.499.000	1.491.956.273					
Thanh lý	(1.688.095.497)	-	(66.575.681)	(47.462.360)	(1.802.133.538)					
Phân loại lại	(138.045.630)	-	138.045.630	-	-					
Số dư cuối năm	11.560.232.004	4.046.793.700	1.549.686.872	1.294.244.014	18.450.956.590					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	11.396.068.070	452.187.289	781.001.520	660.821.258	13.290.078.137					
Khấu hao trong năm	480.306.474	379.310.002	119.194.879	167.036.374	1.145.847.729					
Thanh lý	(1.688.095.497)	-	(66.575.681)	(47.462.360)	(1.802.133.538)					
Phân loại lại	138.045.630	-	(121.325.089)	(16.720.541)	-					
Số dư cuối năm	10.326.324.677	831.497.291	712.295.629	763.674.731	12.633.792.328					
Giá trị còn lại										
Số dư đầu năm	1.990.305.061	2.226.866.411	621.498.130	632.386.116	5.471.055.718					
Số dư cuối năm	1.233.907.327	3.215.296.409	837.391.243	530.569.283	5.817.164.262					

BT

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	11.230.143.131		2.679.053.700		803.349.650		563.531.074		15.276.077.555	
Tăng trong năm	2.156.230.000		-		599.150.000		1.060.964.300		3.816.344.300	
Phân loại lại	-		-		-		(331.288.000)		(331.288.000)	
Số dư cuối năm	13.386.373.131		2.679.053.700		1.402.499.650		1.293.207.374		18.761.133.855	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	9.612.505.325		184.281.913		763.627.639		563.531.074		11.123.945.951	
Khấu hao trong năm	1.783.562.745		267.905.376		17.373.881		100.280.979		2.169.122.981	
Phân loại lại	-		-		-		(2.990.795)		(2.990.795)	
Số dư cuối năm	11.396.068.070		452.187.289		781.001.520		660.821.258		13.290.078.137	
Giá trị còn lại										
Số dư đầu năm	1.617.637.806		2.494.771.787		39.722.011		-		4.152.131.604	
Số dư cuối năm	1.990.305.061		2.226.866.411		621.498.130		632.386.116		5.471.055.718	

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 11.688.130.788 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 12.427.293.893 VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2016 VND	2015 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	11.864.696.252	7.050.189.252
Tăng trong năm	568.875.000	4.814.507.000
Thanh lý	(976.989.881)	-
Số dư cuối năm	<u>11.456.581.371</u>	<u>11.864.696.252</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.231.998.997	3.485.354.711
Khấu hao trong năm	1.412.181.470	746.644.286
Thanh lý	(976.989.881)	-
Số dư cuối năm	<u>4.667.190.586</u>	<u>4.231.998.997</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	<u>7.632.697.255</u>	<u>3.564.834.541</u>
Số dư cuối năm	<u>6.789.390.785</u>	<u>7.632.697.255</u>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 2.241.308.679 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 1.514.684.441 VND).

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	3.618.090.445	3.421.658.147
Tiền nộp thêm trong năm	206.093.437	-
Lãi nhận được trong năm	214.347.653	196.432.298
Số dư cuối năm	<u>4.038.531.535</u>	<u>3.618.090.445</u>

16. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản tiền Tập đoàn thay mặt cho đối tác hợp tác đầu tư góp vốn vào ACS theo thỏa thuận hợp tác đầu tư (Thuyết minh 12(i) và Thuyết minh 20).

17. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Đây là khoản trái phiếu ngắn hạn, không có tài sản đảm bảo, do Tập đoàn phát hành với kỳ hạn trái phiếu là 1 năm và trả lãi 6 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9 – 10%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu sẽ được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) ("Lãi suất tham chiếu") công bố tại Sở giao dịch/Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch) ("các Ngân hàng Tham chiếu") tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng (+) biên độ 3%/năm.

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND (Phân loại lại)
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	552.089.673	515.660.192
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	106.892.010	20.097.820
	658.981.683	535.758.012

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.007.099.293	11.645.288.025
Thuế Thu nhập cá nhân	2.115.019.088	841.254.454
Thuế Giá trị gia tăng	37.324.558	35.613.467
	7.159.442.939	12.522.155.946

20. Các khoản phải trả phải nộp khác dài hạn

Đây là khoản phải trả đối tác liên quan đến khoản góp vốn vào ACS theo thỏa thuận hợp tác đầu tư (Thuyết minh 12(i) và Thuyết minh 16).

21. Lợi nhuận chưa phân phối

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	79.396.595.064	76.084.171.142
Sử dụng để tăng vốn trong năm (phát hành cổ phiếu thường)	(33.378.680.000)	(60.692.970.000)
Thay đổi tỉ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(826.350.845)
Lợi nhuận trong năm	55.227.417.404	71.244.365.633
Trích lập các quỹ	(5.479.334.960)	(6.412.620.866)
Cổ tức đã trả trong năm	(33.381.148.500)	-
Số dư cuối năm	62.384.849.008	79.396.595.064

22. Doanh thu hoạt động

a. Lãi từ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2016	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán
		VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	542.972.034	183.574.211.175	149.696.099.939	33.878.111.236
Cổ phiếu chưa niêm yết	18.383.947	308.675.138.024	274.419.364.124	34.255.773.900
Trái phiếu niêm yết	4.500.000	488.201.000.000	484.118.500.000	4.082.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	384.545	389.896.560.213	380.009.876.663	9.886.683.550
Tài sản tài chính khác		523.183.325.205	505.088.945.064	18.094.380.141
		<u>1.893.530.234.617</u>	<u>1.793.332.785.790</u>	<u>100.197.448.827</u>

2015	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán
		VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	41.567.154	684.555.652.900	601.892.694.342	82.662.958.558
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.804.543	257.562.319.331	220.711.639.058	36.850.680.273
Tài sản tài chính khác		117.833.044.910	115.000.000.000	2.833.044.910
		<u>1.059.951.017.141</u>	<u>937.604.333.400</u>	<u>122.346.683.741</u>

b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	2016	2015
	VND	VND (Phân loại lại)
Cổ tức	10.870.343.568	11.580.392.400
Trái tức	12.437.666.671	-
Lãi tiền gửi	57.701.984	42.509.073
	<u>23.365.712.223</u>	<u>11.622.901.473</u>

c. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2016	2015
	VND	VND (Phân loại lại)
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	26.060.577.965	8.426.510.680
Thu nhập lãi từ ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	1.950.318.389	1.483.773.156
	<u>28.010.896.354</u>	<u>9.910.283.836</u>

23. Chi phí hoạt động**a. Lỗ bán các TSTC**

2016	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán
		VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	7.480.010	69.312.380.828	88.601.056.205	(19.288.675.377)
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.930.900	69.651.000.000	87.903.587.000	(18.252.587.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	70	70.000.000.000	72.694.027.800	(2.694.027.800)
Tài sản tài chính khác		70.400.000.000	76.698.679.442	(6.298.679.442)
		<u>279.363.380.828</u>	<u>325.897.350.447</u>	<u>(46.533.969.619)</u>

2015	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán
		VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	23.486.984	365.200.044.000	407.882.904.816	(42.682.860.816)

b. Chênh lệch giảm giá đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ

	2016 VND	2015 VND (Phân loại lại)
Trích lập dự phòng giảm giá các TSTC (Thuyết minh 10)	<u>15.576.813.795</u>	<u>3.069.295.773</u>

24. Chi phí quản lý Công ty Chứng khoán

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	10.806.546.306	7.025.946.887
Chi phí bảo hiểm	806.860.000	498.535.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.441.453.793	1.583.643.719
Chi phí thuê văn phòng	4.711.859.547	3.383.147.726
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.163.287.523	868.531.514
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.137.717.562	1.638.068.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.431.784.357	3.156.739.068
Chi phí khác	3.398.897.428	4.079.094.925
Phân bổ lợi thế thương mại	1.461.343.945	754.628.431
	<u>30.359.750.461</u>	<u>22.988.335.379</u>

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.006.959.298	88.708.775.187
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.001.391.860	19.515.930.541
Chi phí không được khấu trừ thuế	408.351.189	312.279.447

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(2.174.068.714)	(2.547.686.328)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	161.208.683
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	31.736.941	(2.232.911.766)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>11.267.411.276</u>	<u>15.208.820.577</u>

(*) Đây là khoản cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 10.870.343.568 VND (2015: 11.580.392.400 VND).

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2016 (2015: 22%).

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

a. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm (*)	53.648.788.335	71.244.365.633

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

b. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016 Cổ phiếu	2015 Cổ phiếu (trình bày lại)	2015 Cổ phiếu (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	66.762.297	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	3.337.868	27.765.407	21.543.313
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<u>70.100.165</u>	<u>57.765.407</u>	<u>51.543.313</u>

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015 (trình bày lại)	2015 (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>765</u>	<u>1.233</u>	<u>1.382</u>

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Thương mại FTG – Công ty liên quan		
Doanh thu từ phí lưu ký	550.000	2.646.333
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, phụ cấp và thù lao	5.921.423.628	4.450.807.793

28. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

a. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	31/12/2015 (phân loại lại)	31/12/2015 (theo báo cáo trước đây)
Tiền	111.1	1.175.678.266	124.970.212.332
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	385.424.773.721	-
Đầu tư ngắn hạn		-	385.424.773.721
Các khoản cho vay	114	146.676.579.003	-
Các khoản phải thu	117	1.147.562.144	-
Trả trước cho người bán	118	48.889.010.400	1.570.499.770
Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	138.450.700.897	-
Phải thu của khách hàng		-	25.499.927.725
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	271.750.197.460
Các khoản phải thu khác	122	11.157.356.923	182.173.782
Tạm ứng	131	354.528.000	-
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	54.874.101	-
Hàng tồn kho		-	54.874.101
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	100.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3	50.000.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	1.446.821.770	-
Đầu tư dài hạn khác	212.4	1.500.000.000	51.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	255	23.500.000.000	23.730.850.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	535.758.012	124.330.292.078
Phải trả người bán ngắn hạn	320	143.937.772	291.441.109
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	35.265.351	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	1.617.300.616	1.652.565.967
Phải trả người bán dài hạn	347	147.503.337	-

b. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	Mã số	2015 VND (phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01	133.969.585.214	-
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	148.584.474	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	9.910.283.836	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		-	119.165.812.064
Thu nhập hoạt động khác	11	21.441.655	26.585.097.471
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	2.547.001	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	1.700.745.223	-
Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21	45.843.466.679	-
Chi phí hoạt động tự doanh	26	1.623.489.478	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	3.544.837.500	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	2.518.258.394	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	3.962.233.805	-
Chi phí khác	32	93.499.243	-
Chi phí lãi vay	52	197.917.100	-
Chi phí tài chính khác	55	215.480.623	-
Chi phí hoạt động kinh doanh		-	57.999.182.822

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Mã số	2015 VND (phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(86.643.930.805)	-
Tăng các khoản cho vay	33	(146.676.579.003)	-
Giảm/(tăng) các khoản phải thu bán các dịch vụ CTCK cung cấp	37	(135.779.775.065)	-
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	346.059.374	-
Giảm các tài sản khác	40	8.859.938.517	-
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác		-	(359.839.412.881)
Biến động hàng tồn kho		-	(54.874.101)
Tăng phải trả, phải nộp khác	50	28.298.807.939	123.871.373.691
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	(20.553.519.493)	75.019.046.259
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	21.729.197.759	49.951.166.073
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	1.175.678.266	124.970.212.332

29. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
Đ. CHỨNG KHOÁN
IB
HA LÃ TRUNG - TP. HÀ NỘI
NGUYỄN VĂN HẠNH

